

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non
của Trường Đại học Tây Nguyên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDDT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 21 ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tây Nguyên. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tây Nguyên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tây Nguyên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 43 tiêu chí (chiếm 86%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Tây Nguyên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non cho Trường Đại học Tây Nguyên theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHTN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non
của Trường Đại học Tây Nguyên

*(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 9		3,80	4	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	3				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		3,86	6	85,71	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	3				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,40	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	5			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,90	43	86



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tây Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tây Nguyên, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định tương đối rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia. Chuẩn đầu ra của CTĐT được phát biểu rõ ràng, phân thành các lĩnh vực kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm, tương thích với mục tiêu của CTĐT, phản ánh được nhu cầu các bên liên quan. CTĐT được rà soát và chỉnh sửa bổ sung có khảo sát giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và được công bố công khai.

2. Bản mô tả CTĐT cơ bản có đầy đủ thông tin, được rà soát định kỳ, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá được thiết kế đa dạng. Phần khối kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh có thiết kế chương trình dạy học riêng cho đối tượng người học nước ngoài, và người học yếu thế. Bản mô tả CTĐT được ban hành và công bố công khai trên website của Trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần tương đối phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, bảo đảm được sự cân đối giữa các học phần. Mỗi học phần trong chương trình dạy học đã thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học có cấu trúc tương đối hợp lý, thể hiện tính tích hợp giữa các học phần, có sự liên mạch giữa các học phần chung, cơ sở ngành, chuyên ngành và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Chương trình dạy học được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu chuẩn đầu ra của CTĐT.

4. Triết lý giáo dục “Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học” được chuyển tải vào hoạt động đào tạo, được công bố công khai trên website của Trường/Khoa, được đăng trên các bảng tin tại các giảng đường và khuôn viên Trường. Hoạt động dạy - học tương đối đa dạng, phù hợp để hỗ trợ người học đạt được chuẩn đầu ra của các học phần. Giảng viên đã có những đổi mới về phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

5. Trường đã ban hành các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá, được công khai trong sổ tay sinh viên, cổng thông tin học tập. Hoạt động kiểm tra đánh giá được thiết kế tương đối rõ ràng trong đề cương học phần và được triển khai thực hiện (quá trình, cuối kỳ), có sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá và cung cấp rubrics chấm điểm cho các hoạt động thực hành, thực tế và quá trình.

Kết quả đánh giá được công bố kịp thời cho sinh viên qua tài khoản cá nhân. Sinh viên dễ dàng tiếp cận được quy trình khiếu nại kết quả học tập. Trong giai đoạn đánh giá không có người học khiếu nại về kết quả học tập.

6. Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển các giai đoạn, trong đó thể hiện việc quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo của Trường được thực hiện theo nhiệm kỳ và hằng năm có thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi bảo đảm đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và đánh giá theo các quy định của Nhà trường. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Nhà trường có quy định cụ thể về loại hình, số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Trong giai đoạn đánh giá giảng viên ngành Giáo dục mầm non đã đạt được kết quả tốt về nghiên cứu khoa học: có 01 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 20 đề tài cấp Trường, công bố 05 bài trên tạp chí quốc tế khác, 64 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước, 03 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước, 02 bài đăng kỷ yếu hội thảo nước ngoài, viết 02 giáo trình, 01 sách chuyên khảo, 04 tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn.

7. Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó xác định cụ thể tên vị trí việc làm, khung năng lực và mô tả công việc các vị trí làm công tác hành chính và hỗ trợ. Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên. Số lượng và trình độ đội ngũ cán bộ làm việc tại các phòng, ban, khoa đáp ứng yêu cầu công việc. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm được xác định rõ ràng, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Việc đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động được hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, tiêu chí đánh giá, phân loại. Hằng năm, việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự và các tiêu chí đề ra trong quy định. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ được thực hiện thường xuyên dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị chức năng. Nhà trường đã ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị và viên chức, người lao động theo tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPIs).

8. Công tác tuyển sinh của Trường được thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đề án tuyển sinh, trong đó có đầy đủ nội dung về các chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển chọn được xác định rõ ràng, được rà soát, đánh giá hằng năm. Nhà trường có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện người học. Có quy định giám sát, đánh giá sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện người học, có phần mềm quản lý đào tạo, trong đó có cơ sở dữ liệu liên quan đến học tập, kết quả học tập và rèn luyện của người học. Nhà trường đã phân công cụ thể các đơn vị thực hiện hỗ trợ người học trong các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào, hoạt động thi đua, hỗ trợ học bổng, miễn giảm học phí và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập, tìm kiếm việc làm cho người học. Trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải

mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

9. Trường đã đầu tư hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng học và các phòng chức năng tương đối đồng bộ, bảo đảm tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/người học chính quy quy đổi với đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có không gian đọc rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận tài liệu. Hệ thống quản lý thư viện được vận hành bằng phần mềm tự xây dựng, nguồn học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu. Hệ thống phòng thí nghiệm/thực hành chuyên ngành đầy đủ với các thiết bị đặc thù phù hợp với đặc điểm của CTĐT, được bảo trì, nâng cấp định kỳ hằng năm và có cán bộ kỹ thuật chuyên trách theo dõi, quản lý. Hệ thống công nghệ thông tin triển khai đồng bộ, mạng Internet tốc độ cao. Các tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn được Trường được triển khai hằng năm. Môi trường học tập an toàn, thân thiện và xanh - sạch - đẹp. Hệ thống y tế học đường bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho người học, giảng viên và người lao động. Công tác phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự được triển khai nghiêm túc, có đội phòng cháy chữa cháy cơ sở và hệ thống giám sát an ninh 24/7.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập, hoạt động theo quy định. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được xây dựng, rà soát và cải tiến, có hỗ trợ giảng viên trong hoạt động rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, chương trình dạy học. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đến việc dạy và học, có nhiều bài báo có nội dung được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong chương trình dạy học và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống, có sự kết nối các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường; được rà soát và cải tiến từ công cụ, hình thức thu thập thông tin, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

11. Nhà trường đã thực hiện tương đối tốt việc giám sát, thống kê, cập nhật số lượng sinh viên thôi học, tốt nghiệp trước và đúng hạn, tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên thuộc CTĐT. Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được khảo sát thường niên với tỉ lệ sinh viên có việc làm khá cao. Sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đã có đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường và cùng với giảng viên công bố bài báo trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động của CTĐT được định kỳ khảo sát và kết quả khảo sát đã được phân tích, đối sánh, đánh giá để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát và hoàn chỉnh diễn đạt mục tiêu để phù hợp hơn với tầm nhìn, sứ mạng của Trường; điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT để bảo đảm tương thích tốt hơn Khung trình độ quốc gia; diễn đạt rõ hơn các chuẩn đầu ra với các cấp độ kiến thức/kỹ năng/năng lực tự chủ và trách nhiệm để bảo đảm sự liên kết chặt chẽ, logic và có thể đánh giá được; nâng cao hiệu quả truyền thông chuẩn đầu ra CTĐT cho các bên liên quan, đặc biệt là người học; rà soát, bổ sung kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI); tăng cường khảo sát các bên liên quan vào việc xây dựng chuẩn đầu ra, nhất là việc khảo sát nhà sử dụng lao động, các cơ quan quản lý nhà nước và các trường mầm non trong khu vực phù hợp với tuyên bố vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2. Rà soát và bổ sung giờ tự học cho các học phần theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; rà soát ma trận liên kết chuẩn đầu ra với nội dung học phần và các hoạt động kiểm tra đánh giá; rà soát các rubrics bảo đảm phù hợp với thực tế kiểm tra đánh giá và thống nhất trong bản mô tả và đề cương chi tiết học phần; ban hành quy định về việc rà soát, cải tiến CTĐT (hướng dẫn chi tiết quy trình thực hiện, kèm theo yêu cầu sản phẩm quy trình); đa dạng hơn về đối tượng và số lượng các bên liên quan trong việc thu thập thông tin phản hồi về bản mô tả CTĐT.

3. Rà soát để bảo đảm sự đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra rõ ràng và chính xác hơn; bổ sung kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; triển khai thực hiện và giám sát thường xuyên việc xác định tổ hợp phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá hướng đến đạt chuẩn đầu ra; tăng cường các hoạt động thực hành, thực tập doanh nghiệp để người học được trải nghiệm các kỹ năng nâng cao chất lượng đào tạo dựa trên mục tiêu, chuẩn đầu ra và vị trí việc làm.

4. Đa dạng hơn các phương thức truyền thông để truyền tải triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường đến các bên liên quan; có hướng dẫn về cách chuyển tải triết lý giáo dục vào các hoạt động giảng dạy và học tập; chú trọng phát triển năng lực tự học/tự nghiên cứu của người học; tăng cường hướng dẫn hoạt động tự học/tự nghiên cứu (trong đề cương và hoạt động dạy - học); có đánh giá khuyến khích các kết quả về tự học/nghiên cứu khoa học. Hướng dẫn, quy định cụ thể nội dung tự học, có kiểm tra đánh giá hoạt động tự học của sinh viên; giám sát/hỗ trợ việc triển khai kế hoạch giảng dạy theo đề cương học phần để bảo đảm đạt chuẩn đầu ra đã công bố.

5. Rà soát, cập nhật các quy định, quy trình, biểu mẫu cho hoạt động kiểm tra đánh giá; xây dựng quy định đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần và CTĐT; rà soát và cập nhật hướng dẫn về trọng số giữa điểm quá trình và điểm

thi học phần; thực hiện phân tích, đánh giá đề thi, phân tích phổ điểm sau khi thi; đánh giá hiệu quả, công bằng của các phương pháp kiểm tra đánh giá; rà soát lại toàn bộ rubrics của tất cả các học phần và công cụ đánh giá để đo lường được các chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ trách nhiệm, năng lực tự học và học tập suốt đời; bổ sung quy định về thời hạn thông báo điểm đánh giá quá trình của giảng viên; tăng trọng số đánh giá quá trình của tất cả học phần (tối thiểu 40%) để tạo động lực cho sinh viên trong quá trình học tập và phù hợp với xu thế đánh giá kết quả học tập hiện nay.

6. Phân tích nhu cầu xã hội về đào tạo, nghiên cứu khoa học theo từng ngành đào tạo để xây dựng dự báo phát triển đội ngũ giảng viên bảo đảm thực hiện được mục tiêu chiến lược phát triển Trường; đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần mềm tổng thể giúp cho việc quản lý, giám sát, đánh giá thực hiện khối lượng công việc của phù hợp với xu thế về chuyển đổi số, bổ sung nhiệm vụ phục vụ cộng đồng vào quy định chế độ làm việc của giảng viên; động viên khuyến khích giảng viên là tiến sĩ đăng ký chức danh giáo sư, phó giáo sư để đáp ứng với CTĐT và phù hợp với Chiến lược phát triển của Trường; bổ sung các tiêu chí để đánh giá các năng lực như: xây dựng, thiết kế, phát triển CTĐT theo chuẩn đầu ra, lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, đưa nội dung phục vụ cộng đồng là yêu cầu bắt buộc tiêu chí đánh giá năng lực của giảng viên; bổ sung các nội dung trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực của giảng viên như: phát triển năng lực thiết kế và thực hiện CTĐT, lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần, CTĐT; đánh giá hiệu quả sau đào tạo để bảo đảm các kỹ năng mới được áp dụng vào quá trình giảng dạy và cải tiến CTĐT; rà soát, bổ sung các tiêu chí đánh giá kết quả công việc dựa trên việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên trong đó có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và phục vụ cộng đồng; sớm ban hành bộ chỉ số đánh giá chất lượng công việc KPIs cho giảng viên nhằm quản trị tốt kết quả công việc; quan tâm đăng ký đề tài Nafosted, phát triển đề tài hợp tác quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm khoa học công nghệ.

7. Bổ sung, hoàn thiện đề án vị trí việc làm; bổ sung vị trí Trợ lý khoa và các căn cứ xác định tiêu chí, công cụ đánh giá chất lượng công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo của Trợ lý khoa; rà soát và bổ sung quy trình và các nội dung liên quan đến công tác bồi dưỡng ngắn hạn; tăng cường tổ chức hoặc cử nhân viên làm việc tại các phòng chức năng tham gia các khóa bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu đặc thù của từng vị trí việc làm; bảo đảm các hệ thống thực hiện việc theo dõi khối lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và các nhiệm vụ khác trên hệ thống quản lý, điều hành của Trường hoạt động tốt và dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác; xây dựng quy trình thu thập và báo cáo dữ liệu hiệu quả, xem xét ứng dụng công nghệ để tự động hóa một phần, nhằm giảm thiểu gánh nặng hành chính cho các phòng ban liên quan.

8. Khảo sát và thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau như nhà tuyển dụng, bản tin thị trường lao động, dự báo từ các hội nghị/hội thảo, ... để xây dựng

chính sách tuyển sinh, cũng như các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với đặc thù của ngành mà vẫn bảo đảm số lượng và chất lượng tuyển sinh; thực hiện so sánh, phân tích chất lượng học tập của người học theo các phương thức tuyển sinh để có cơ sở đánh giá các phương thức tuyển sinh; ban hành quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của người học, sau mỗi năm học tổng kết và có các báo cáo làm căn cứ cải tiến các hoạt động giám sát kết quả học tập, khối lượng học tập, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên hiệu quả hơn; thành lập thêm các câu lạc bộ, đổi mới nội dung, cách thức hoạt động nhằm thu hút nhiều sinh viên tham gia.

9. Rà soát hiện trạng và xây dựng kế hoạch mở rộng diện tích làm việc cho giảng viên, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT; ưu tiên đầu tư hiện đại hóa thư viện, xây dựng và phát triển thư viện số; cập nhật, bổ sung giáo trình và học liệu theo Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT, đầu tư và bảo trì thiết bị gắn với tiêu chuẩn, định mức Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT; phát triển phần mềm quản lý đào tạo nhằm đồng bộ hóa các hệ thống đang vận hành tạo thuận lợi chia sẻ dữ liệu và quản lý tập trung; rà soát, ban hành quy định về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn, cập nhật theo quy định pháp luật hiện hành.

10. Chú trọng khảo sát nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm từ bên sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, phát triển CTĐT và chương trình dạy học; xây dựng, ban hành quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành và đánh giá, cải tiến CTĐT đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn CTĐT; rà soát hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học, tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát, lập kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học; lập các nhóm nghiên cứu mạnh, thực hiện các đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ/tỉnh, khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn sâu với lĩnh vực phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT; đầu tư, nâng cấp chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; tách riêng kết quả khảo sát theo CTĐT, lập kế hoạch cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường cho CTĐT; sớm ban hành phiên bản mới quy định hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường; xây dựng môi trường kết nối nhằm trao đổi thường xuyên, liên tục, kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan, cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Có giải pháp hiệu quả hơn để giảm tỉ lệ sinh viên thôi học, tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên; ban hành mới quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của người học và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên; hằng năm tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá chất lượng và hiệu quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động của CTĐT; quan tâm hơn đến hiệu quả hoạt động đối sánh các chỉ số đầu ra của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.